

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 8173 /BNN-VPĐP

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

V/v báo cáo tiến độ, kết quả triển khai  
các Chương trình chuyên đề thuộc  
Chương trình MTQG xây dựng nông  
thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tổ chức triển khai 04 Chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, bao gồm: Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là các chương trình chuyên đề); căn cứ các Kế hoạch tổ chức triển khai các chương trình chuyên đề của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo về tiến độ, kết quả triển khai các chương trình chuyên đề, cụ thể như sau:

**1. Mục đích:** Đánh giá tiến độ, kết quả triển khai thực hiện các chương trình chuyên đề đến hết ngày 30/11/2023 và dự kiến đến ngày 31/12/2023; các khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị của các tỉnh, thành phố trong tổ chức thực hiện.

**2. Nội dung:** Báo cáo cụ thể tiến độ, kết quả của từng Chương trình chuyên đề theo mẫu Đề cương báo cáo tại Phụ lục gửi kèm.

Báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đề nghị gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương: Địa chỉ số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội. Bản mềm xin gửi qua thư điện tử: [ocopvietnam@gmail.com](mailto:ocopvietnam@gmail.com)) trước ngày 05/12/2023 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

(Thông tin chi tiết, xin liên hệ: Đ/c Đào Đức Huân, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, điện thoại: 0913.006.526)/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Sở NN&PTNT, VPĐP NTM các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Thanh Nam**

## **Phụ lục 1**

# **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỪNG CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Công văn số /BNN-VPĐP ngày /11/2023  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

## **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

1. Công tác xây dựng Đề án/Kế hoạch triển khai Chương trình chuyên đề của địa phương, một số mục tiêu, nội dung chính.

2. Công tác xây dựng cơ chế, chính sách triển khai Chương trình:

- Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và quy định của Trung ương.

- Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương. Trong đó, làm rõ những cơ chế, chính sách có tính chất đột phá nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của Chương trình chuyên đề.

- Những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách cần phải khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện Chương trình chuyên đề

- Phân công nhiệm vụ, đầu mối quản lý Chương trình chuyên đề ở cấp tỉnh *(đề nghị ghi rõ đầu mối liên hệ (điện thoại, email) ở cấp tỉnh)*.

- Đánh giá về thuận lợi, khó khăn về bộ máy tổ chức triển khai Chương trình chuyên đề, những kiến nghị và đề xuất (nếu có).

4. Công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao năng lực trong triển khai Chương trình chuyên đề:

- Kết quả về tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, người dân trong thực hiện Chương trình chuyên đề ở các cấp (số lượng lớp, số lượng đối tượng tham gia);

- Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và kiến nghị giải pháp thực hiện trong giai đoạn tới.

5. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chương trình chuyên đề

- Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân về Chương trình chuyên đề (số lượng tin bài,...).

- Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện Chương trình chuyên đề, trong đó nêu rõ những kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo đã góp phần nâng cao chất lượng truyền thông về Chương trình chuyên đề của địa phương;

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân cần khắc phục.



6. Kết quả phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình chuyên đề trong năm 2023, dự kiến năm 2024, trong đó xác định rõ: i) Ngân sách trung ương; ii) Ngân sách địa phương; và (iii) các nguồn ngân sách khác.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình chuyên đề**

Đối với từng Chương trình chuyên đề, đề nghị báo cáo về kết quả thực hiện theo nội dung cụ thể như sau:

- Chương trình OCOP: Kết quả về số lượng và cơ cấu sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên; số lượng và cơ cấu chủ thể có sản phẩm OCOP còn thời hạn tính đến thời điểm báo cáo (bao gồm cả các sản phẩm lũy kế từ giai đoạn 2018-2020); Kết quả triển khai về công tác xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP (số lượng các Trung tâm/Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; các hoạt động, sự kiện xúc tiến thương mại) và các kết quả thực hiện các mục tiêu khác theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Số lượng mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố (Trong đó: số lượng mô hình du lịch cộng đồng; số lượng mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn khác); kết quả triển khai các mô hình do địa phương chỉ đạo so với mục tiêu năm 2025; một số kết quả theo mục tiêu của Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025: Mục tiêu đạt được năm 2023 (phát triển chính quyền số, xã hội số, kinh tế số, mô hình thí điểm) so với mục tiêu đến năm 2025; các hoạt động thực hiện phát triển chính quyền số, xã hội số, kinh tế số; kết quả triển khai mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh theo lĩnh vực nổi trội do địa phương thực hiện (số lượng mô hình được phê duyệt, tiến độ thực hiện, kết quả, kinh phí thực hiện).

- Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Tiến độ, kết quả nhân rộng các mô hình trên địa bàn tỉnh (*theo các nhóm nội dung về mô hình về cấp nước sạch, trữ nước ngọt tại các vùng khó khăn về nguồn nước; tuần hoàn trong xử lý chất thải và phụ phẩm nông nghiệp; xây dựng cảnh quan nông thôn, môi trường làng nghề theo hướng xanh và bền vững; vệ sinh an toàn thực phẩm ở nông thôn; phân loại, thu gom, trung chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn...*); kết quả rà soát, xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn về công tác bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh, thành phố; việc lồng ghép triển khai thực hiện Chương trình trong thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường tại địa phương; một số kết quả theo mục tiêu của Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Kết quả triển khai các mô hình điểm thuộc Chương trình chuyên đề**  
*(Đối với các tỉnh, thành phố có mô hình thuộc danh mục mô hình thí điểm đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt)*

- Tiến độ triển khai mô hình thí điểm thuộc Chương trình chuyên đề giai đoạn 2021-2025, trong đó cụ thể một số nội dung: phân công cơ quan, đơn vị chủ trì triển khai mô hình; tiến độ xây dựng Dự án/Đề án/kế hoạch mô hình điểm (đề nghị ghi rõ từng tiến độ, kết quả từng công việc: xây dựng Dự án/Đề án/Kế hoạch; tiến độ phê duyệt Dự án/Đề án/Kế hoạch; dự kiến về mục tiêu, kết quả của mô hình; cơ quan, đơn vị chủ trì/phối hợp triển khai; kinh phí thực hiện mô hình: trong đó làm rõ nguồn kinh phí Trung ương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ; kinh phí đối ứng địa phương; nguồn vốn huy động khác...).

- Kết quả triển khai mô hình thí điểm đến 30/11/2023 và dự kiến đến hết ngày 31/12/2023.

- Khó khăn, vướng mắc trong công tác triển khai mô hình thí điểm (về các văn bản, hướng dẫn; cơ chế, chính sách; thực tế triển khai,...)

### **III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ**

1. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai Chương trình chuyên đề ở địa phương: Về cơ chế, chính sách; tổ chức bộ máy; tuyên truyền, vận động; huy động nguồn lực...

2. Đề xuất, kiến nghị của địa phương về triển khai Chương trình chuyên đề.

**IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2024** (Một số mục tiêu, tiến độ và các giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình chuyên đề trong năm 2024).



**Biểu 2. Bảng tổng hợp nguồn vốn triển khai Chương trình chuyên đề**

TT	Nội dung chỉ tiêu	Kinh phí được giao năm 2023	Tỷ lệ giải ngân đến 30/11/2023	Dự kiến tỷ lệ giải ngân đến 31/12/2023
<b>I</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>			
1	Ngân sách nhà nước được giao			
1.1	Ngân sách Trung ương			
1.2	Ngân sách địa phương			
2	Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác			
3	Nguồn vốn huy động hợp pháp khác			
<b>II</b>	<b>Kinh phí triển khai mô hình thí điểm thuộc Chương trình chuyên đề</b>			
1	Ngân sách Trung ương			
2	Ngân sách địa phương			
3	Nguồn khác			